

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT
TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I-2011

HẢI PHÒNG ,THÁNG 04 NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN			10.966.439.923	11.990.666.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		785.964.203	1.403.351.728
1. Tiền	111	V.01	785.964.203	403.351.728
2. Các khoản tương đương tiền	112			1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.103.968.252	8.270.933.273
1. Phải thu khách hàng	131		3.934.993.332	5.743.549.832
2. Trả trước cho người bán	132		3.139.966.167	2.498.374.688
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	29.008.753	29.008.753
IV. Hàng tồn kho	140		2.313.099.729	2.313.099.729
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2.313.099.729	2.313.099.729
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		763.407.739	3.281.988
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		569.131.000	3.281.988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		194.276.739	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.879.052.673	11.097.358.998
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		10.362.968.743	10.700.244.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	10.362.968.743	10.700.244.726
- Nguyên giá	222		18.858.047.223	18.858.047.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.495.078.480)	(8.157.802.497)
III. Bất động sản đầu tư	240	V12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		516.083.930	397.114.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	516.083.930	397.114.272
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.845.492.596	23.088.025.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011 VND	01/01/2011 VND
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.494.622.924	8.712.563.140
I. Nợ ngắn hạn	310		6.723.227.305	7.327.590.871
2. Phải trả cho người bán	312		2.042.282.680	2.242.119.108
3. Người mua trả tiền trước	313		1.730.069.768	798.407.768
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	667.216.546	655.100.636
5. Phải trả người lao động	315		0	0
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.938.440.214	3.079.633.681
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	458.453.224	559.864.805
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(113.235.127)	(7.535.127)
II. Nợ dài hạn	330		771.395.619	1.384.972.269
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		771.395.619	1.384.972.269
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.350.869.672	14.375.462.576
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	14.350.869.672	14.375.462.576
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.820.000.000	10.820.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.705.242.440	2.705.242.440
4. Cổ phiếu quỹ	414		(130.000.000)	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		54.755.669	54.755.669
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		281.527.658	281.527.658
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		619.343.905	513.936.809
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.845.492.596	23.088.025.716

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Điện thoại: (031) 387 0577

Fax: (031) 387 0576

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2011 VND	Năm 2010 VND	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	854.486.780	6.436.105.738	854.486.780	6.436.105.738
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		854.486.780	6.436.105.738	854.486.780	6.436.105.738
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	456.508.041	6.023.805.076	456.508.041	6.023.805.076
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		397.978.739	412.300.662	397.978.739	412.300.662
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	30.646.833	22.650.140	30.646.833	22.650.140
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	0		0	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>						
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		287.144.497	280.910.272	287.144.497	280.910.272
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		141.481.075	154.040.530	141.481.075	154.040.530
11. Thu nhập khác	31		861.111	0	861.111	
12. Chi phí khác	32			0		0
13. Lợi nhuận khác	40		861.111	0	861.111	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		142.342.186	154.040.530	142.342.186	154.040.530
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	35.585.547	38.510.133	35.585.547	38.510.133
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		106.756.639	115.530.397	106.756.639	115.530.397
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		99	107	99	107

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Điện thoại: (031) 387 0577

Fax: (031) 387 0576

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 năm 2011

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011 VND	01/01/2011 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.770.865.333	11.944.918.462
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(2.161.403.600)	(9.157.512.537)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(166.194.116)	(771.970.110)
4	Tiền chi trả lãi vay	04			(920.403)
5	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(196.647.517)	(151.060.694)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.461.250	230.555.531
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(754.468.875)	(1.915.593.903)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(487.387.525)	178.416.346
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xd TSCĐ và các TSDH khác	21			
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22			
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26			0
7	Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	95.679.708
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	95.679.708
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		(130.000.000)	
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33			189.340.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(189.340.000)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1.081.696.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(130.000.000)	(1.081.696.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(617.387.525)	(807.599.946)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.403.351.728	2.210.557.297
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			394.377
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		785.964.203	1.403.351.728

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng (CINDE) (dưới đây viết tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 876/QĐ-UB ngày 28/5/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 055555 đăng ký lần đầu ngày 02/6/1999, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 03/12/2009.

Trụ sở Công ty đặt tại Khu điều hành cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty: 10.820.000.000 đồng (Mười tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn góp của Nhà nước: 976.320.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 9,02% vốn điều lệ.
- Vốn góp của cổ đông: 9.843.680.000 đồng (Chín tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn), chiếm tỷ lệ 90,98% vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm 2011, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, lắp máy, điện nước;
- Xây dựng và cải tạo lưới điện cao thế, hạ thế đến cấp điện áp 35KV;
- Kinh doanh và tư vấn xây dựng, tư vấn đầu tư và giám sát công trình xây dựng. Kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh vật liệu, máy và thiết bị xây dựng, bất động sản, vật tư, nguyên liệu để làm xà phòng, hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, nông sản; khai thác vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, gia công cơ khí.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (Đồng).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các Ngân hàng

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đang nắm giữ có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của công ty khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng được xác định căn cứ trên hóa đơn GTGT và phân bổ cho từng tháng theo hợp đồng cho thuê đã ký.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, kế toán lập hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu được ghi nhận theo giá bán chưa có thuế GTGT.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/03/2011	01/01/2011
		Đồng
Tiền mặt	353.623.220	264.784.832
Tiền gửi ngân hàng (*)	432.340.983	138.566.896
Cộng	785.964.203	403.351.728

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
Ông Trần Duy Hải	29.008.753	29.008.753
Lãi tiền gửi ngân hàng	0	0
Cộng	29.008.753	29.008.753

4. Hàng tồn kho

	31/03/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.313.099.729	2.313.099.729
Cộng	2.313.099.729	2.313.099.729

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**Mẫu số B 09 – DN**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 01/01/2011	15.253.486.440	2.378.371.660	1.097.168.992	129.020.131	18.858.047.223
Số dư 31/03/2011	15.253.486.440	2.378.371.660	1.097.168.992	129.020.131	18.858.047.223
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2011	5.927.518.127	1.246.607.641	854.656.598	129.020.131	8.157.802.497
Khấu hao trong kỳ	253.278.219	58.618.559	25.379.205	0	337.275.983
Số dư 31/03/2011	6.180.796.346	1.305.226.200	880.035.803	129.020.131	8.495.078.480
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư 01/01/2011	9.325.968.313	1.131.764.019	242.512.394	0	10.700.244.726
Số dư 31/03/2011	9.072.690.094	1.073.145.460	217.133.189	0	10.362.968.743

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.955.909	5.676.136
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	124.972.500	66.348.000
Chi phí hoạt động cho nhà máy gạch (*)	387.155.521	325.090.136
Cộng	516.083.930	397.114.272

(*) Chi phí hoạt động cho nhà máy gạch là chi phí Công ty đang đầu tư theo kế hoạch góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042953 ngày 21/12/2009). Vốn cam kết góp vào Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **6.000.000.000 đồng** chiếm **40%** vốn Điều lệ. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán 31/03/2011), chi phí hoạt động nhà máy gạch chưa được chuyển giao sang cho Công ty Cổ phần Phát triển vật liệu xây dựng.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Thuế giá trị gia tăng	0	458.453.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.585.546	196.647.516
Tiền thuê đất	631.631.000	0
Cộng	667.216.546	655.100.636

17. Chi phí phải trả

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Trích trước chi phí công trình	1.934.440.214	3.079.633.681
Cộng	1.934.440.214	3.079.633.681

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Phải trả, phải nộp ngắn hạn	458.453.224	559.864.805
Cộng	458.453.224	559.864.805

22. Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2011	10.820.000.000	2.705.242.440	0	54.755.669	281.527.658	513.936.809	14.375.462.576
Lãi trong năm	0	0	0	0	0	106.756.639	106.756.639
Phân phối lợi nhuận	0		0	0	0		
Tăng khác	0	0	-130.000.000	0	0		-130.000.000
Giảm						1.349.543	1.349.543
Số dư 31/03/2011	10.820.000.000	2.705.242.440	-130.000.000	54.755.669	281.527.658	619.343.905	14.350.869.672

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Vốn góp của Nhà nước	976.320.000	976.320.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.843.680.000	9.843.680.000
Cộng	10.820.000.000	10.820.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	10.820.000.000	10.820.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	10.820.000.000	10.820.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	1.081.696.000

đ. Cổ phiếu

	31/03/2011 (cổ phiếu)	01/01/2011 (cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.082.000	1.082.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.082.000	1.082.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.082.000</i>	<i>1.082.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG**Mẫu số B 09 – DN**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.082.000	1.082.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.082.000	1.082.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.082.000	1.082.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.082.000	1.082.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Mệnh giá cổ phiếu tại đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	54.755.669	54.755.669
Quỹ dự phòng tài chính	281.527.658	281.527.658
Cộng	336.283.327	336.283.327

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Doanh thu hợp đồng xây dựng	240.910.130	14.715.523.476
Doanh thu cung cấp dịch vụ	613.576.650	2.508.520.236
Cộng	854.486.780	17.224.043.712

28. Giá vốn hàng bán

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Giá vốn hoạt động xây dựng	37.274.000	14.113.920.666
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	419.234.041	1.501.667.116
Cộng	456.508.041	15.615.587.782

29. Doanh thu hoạt động tài chính

31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
----------------------------------	----------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 387 0577 Fax: (031) 387 0576

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Lãi tiền gửi ngân hàng	30.646.833	95.679.708
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		394.377
Cộng	30.646.833	96.074.085

30. Chi phí tài chính

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Lãi tiền vay	0	920.403
Cộng	0	920.403

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	35.585.547	164.485.770
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.585.547	164.485.770

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/03/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN	106.756.639	493.457.309
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	106.756.639	493.457.309
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.082.000	1.082.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	99	456,06

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính 31/03/2011 mà chưa được trình bày tại Báo cáo này.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc